

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**  
**TỈNH PHÚ THỌ**  
Số: 04/2021/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*T, ngày 02 tháng 6 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH**

**Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.**

Căn cứ Hồ sơ Hòa giải số: 04/2021/HS-HG ngày 05/5/2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” giữa:

*Người khởi kiện:* **Chị Hà Thị M**, sinh năm 1994;

Chỗ ở hiện nay: xóm Tr, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ĐKNKTT: khu V, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

*Người bị kiện:* **Anh Đinh Như Ý**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: khu V, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ các điều: 32, 33, 34 của Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, và các bên đều có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*1.1 Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị M và anh Đinh Như Ý.

*1.2 Về con chung:* Chị Hà Thị M và anh Đinh Như Ý có 02 con chung là cháu Đinh Thị Ngân H, sinh ngày 16/11/2012 và cháu Đinh Thành Đ, sinh ngày 06/7/2015. Khi ly hôn, chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu H; anh Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến khi từng cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cấm.

*1.3 Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị M và anh Y không yêu cầu giải quyết.

**2. Về chi phí hòa giải:** Các bên không phải chịu chi phí Hòa giải.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Hòa giải viên;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Mai**

